TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 01-8-2025.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ.

Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa*:* Bà Đặng Vân Hoàng Yến **-** Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2025 (NT), về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 05 ngày 16/7/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Thái Thị O, sinh năm: 1984.

Căn cước công dân: 040184003119, cấp ngày: 19/02/2024

Nơi thường trú: Thôn Y, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện nay: Phòng số 9, nhà trọ số C, tổ A, khu phố M, xã N, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ thường trú: Thôn Y, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện nay: Nhà trọ Đặng Văn D, Tổ 14, khu phố M, xã N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị O có đơn đề nghị vắng mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2025, các lời khai tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Thái Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau chị và anh T tiến đến hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 2011 và sau đó có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào năm 2012 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 26/6/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2018 phát sinh nhiều mâu thuẫn vì không có tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vả và đánh đập chị. Giờ đây, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải được nữa, không ai còn quan tâm đến ai. Giữa hai vợ chồng giờ đây không còn cảm xúc gì với nhau. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, vì vậy chị có nguyện vọng được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Thái Quang H, sinh ngày 31/5/2012. Ly hôn, chị O có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Đối với bị đơn anh Bùi Văn T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến Tòa án để tham gia tố tụng tuy nhiên đương sự không đến Tòa làm việc và cũng không cung cấp ý kiến hoặc tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến việc nguyên đơn khởi kiện.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai*:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, đã tiến hành giải quyết vụ việc đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan.

Thời hạn giải quyết vụ án đúng thời hạn xét xử theo như quy định Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không quan tâm, chăm sóc lẫn

nhau, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, việc chị O yêu cầu được ly hôn anh T là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thái Quang H, sinh ngày 31/5/2012. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cháu V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án thuộc loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn anh Bùi Văn T hiện đang sinh sống tại khu phố M, xã N, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Thái Thị O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Văn T đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị O, anh T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị O, anh T xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Ninh Bình đúng quy định pháp luật, theo giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 26/6/2012 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh T nhưng anh T không chấp hành, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc phương án hòa giải để chị O đồng ý đoàn tụ gia đình nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được. Cho thấy anh T không có trách nhiệm đối với mối quan hệ hôn nhân với chị O, không thực hiện quyền và chấp hành nghĩa vụ theo luật định.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, sống không hạnh phúc, thời gian ly thân kéo dài nên mục đích hôn nhân không đạt theo như lời khai của chị O là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, việc chị O yêu cầu được ly hôn anh T là có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Thái Quang H, sinh ngày 31/5/2012. Ly hôn, chị O có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H. Hiện đang do chị O nuôi dưỡng. Xét chị O đảm bảo điều kiện nuôi con. Vì vậy, ly hôn chị O yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H là phù hợp với nguyện vọng của con và quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị O không yêu cầu giải quyết và anh T vắng mặt nên Tòa án không xem xét. Khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

[3] Về án phí: Chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án.

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thái Thị O đối với bị đơn anh Bùi Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Xử cho chị Thái Thị O được ly hôn anh Bùi Văn T.

2/ Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thái Quang H, sinh ngày 31/5/2012. Xử giao cho chị Thái Thị O được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thái Quang H.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

Theo luật định, anh Bùi Văn T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Thái Thị O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0023184 ngày 09/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch – nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai (chị O đã nộp xong).

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Thái Thị O, anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoài Đức H1 - Trần Thanh Phương Đặng Thị Ngọc T1